

# THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG CỦA KHUYẾN NÔNG CỘNG ĐỒNG TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Bá Tiến<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Dương Nga<sup>2\*</sup>, Ngô Thị Thuận<sup>3</sup>, Nguyễn Hữu Nhuận<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trung tâm Khuyến nông quốc gia

<sup>2</sup>Học viện Nông nghiệp Việt Nam

<sup>3</sup>Hội Kinh tế Nông Lâm

\*Tác giả liên hệ: ngantd@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 14.01.2025

Ngày chấp nhận đăng: 18.04.2025

## TÓM TẮT

Khuyến nông cộng đồng là hình thức tổ chức mới của khuyến nông hoạt động thí điểm theo đề án ở Việt Nam từ năm 2022. Nghiên cứu này đánh giá bước đầu thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng, sử dụng số liệu sơ cấp từ phỏng vấn 26 tổ khuyến nông cộng đồng thí điểm ở 13 tỉnh trong đề án và cán bộ phụ trách hoạt động khuyến nông cộng đồng tại 21 tỉnh ngoài đề án. Kết quả cho thấy các tổ khuyến nông cộng đồng có thành phần đa dạng, bao gồm cả khối nhà nước, tư nhân, hoạt động linh hoạt hơn và hướng dịch vụ nhiều hơn khuyến nông truyền thống. Tuy nhiên, các tổ khuyến nông cộng đồng đang gặp phải các khó khăn, thách thức trong hoạt động và cơ chế chính sách cũng như các yếu tố ngoại cảnh khác. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp và khuyến nghị giúp nâng cao kết quả hoạt động của các tổ khuyến nông cộng đồng trong thời gian tới.

Từ khóa: Khuyến nông cộng đồng, Việt Nam, hoạt động.

## Practice of community agricultural extension activities in Vietnam

### ABSTRACT

Community agricultural extension (CAE) is a new organizational model for agricultural extension piloted in Vietnam since 2022 under a government project. This study aimed to assess the status and key factors affecting the operations of CAE groups. This study assessed the current situation and identified key factors affecting the activities of CAE units using primary data from interviews with 26 leaders of CAE units in 13 piloted provinces and officers in charge of CAE activities in other 21 provinces. The findings reveal that CAE units had diverse components, involving both public and private sectors, and were more flexible and more service-oriented compared to traditional agricultural extension activities. However, CAE units faced difficulties and challenges in their operations, including policies, operating conditions, capacity, multi-component nature of the team as well as other external factors. Several recommendations to improve the performance of CAE units were proposed in the coming time.

Keywords: Community agricultural extension, Vietnam, activities.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hệ thống khuyến nông ở Việt Nam được hình thành và hoạt động từ năm 1993 theo Nghị định 13/CP, đã có thay đổi qua các thời kỳ để phù hợp với bối cảnh như Nghị định 56/2005/NĐ-CP, Nghị định 02/2010/NĐ-CP. Khuyến nông đã đóng góp tích cực và đáng kể vào kinh tế hộ nông dân và ngành nông nghiệp (Thiep & Nhung, 2018). Tăng trưởng ngành

nông nghiệp Việt Nam đã duy trì ở mức 2-5% trong giai đoạn 1990-2023, ngay cả năm 2023 khi nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, nông nghiệp vẫn đạt mức tăng trưởng gần 4% và đóng góp một trụ cột quan trọng trong nền kinh tế quốc gia (Trọng Tùng, 2024). Kết quả ấn tượng này đạt được nhờ có sự đóng góp tích cực của hệ thống khuyến nông - cầu nối giữa Nhà nước, cơ quan nghiên cứu khoa học với hộ nông dân và thị trường. Mặc dù vậy, thay đổi căn bản

trong sản xuất (đối tượng sản xuất, điều kiện sản xuất, công nghệ, môi trường) và thương mại nông sản (liên kết chuỗi, hội nhập, thương mại quốc tế) đã làm cho tổ chức, hoạt động khuyến nông (phạm vi, hình thức, phương thức) dần không còn phù hợp (Bộ NN &PTNT, 2018). Các nghiên cứu như Minh & cs. (2014), Davis & cs. (2021) cũng chỉ ra rằng khuyến nông ở Việt Nam cần có thay đổi để phù hợp với bối cảnh mới.

Năm 2022, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đề cập tới “khuyến nông cộng đồng” (KNCD) với vai trò là một giải pháp để đổi mới tổ chức, hoạt động khuyến nông. Các tổ KNCD được thành lập bao gồm cả cán bộ chuyên môn và thành viên trong các hội, đoàn thể, khối tư nhân để thực hiện các nhiệm vụ Bộ NN&PTNT giao. Tổ chức và hoạt động của KNCD rất mới và cần hoàn thiện để thúc đẩy và nhân rộng (Thu Hằng, 2022).

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng về tổ chức, hoạt động của KNCD, đề xuất một số giải pháp và kiến nghị chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động KNCD tại Việt Nam trong thời gian tới.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp được tổng hợp từ các văn bản, báo cáo của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (TTKNQG), Bộ NN&PTNT, 26 báo cáo tổng kết của Sở NN&PTNT các tỉnh đã thực hiện thí điểm đề án khuyến nông cộng đồng (KNCD), các báo cáo tổng kết hoạt động tổ KNCD ở các tỉnh thực hiện mở rộng ngoài đề án.

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra bảng hỏi với tổ trưởng tổ KNCD trong các tỉnh thực hiện đề án đề án (26 tổ thuộc 13 tỉnh). Mẫu bảng khảo sát cũng được gửi cho cán bộ khuyến nông cấp tỉnh phụ trách hoạt động các tổ KNCD tại 44 tỉnh khác, trong đó chỉ có phiếu trả lời của 21 tỉnh gửi lại là hợp lệ. Trao đổi qua điện thoại cũng được thực hiện với một số tổ trưởng tổ KNCD hoặc cán bộ khuyến nông tỉnh phụ trách KNCD khi người thu thập số liệu liên hệ với họ.

Phương pháp phân tích dữ liệu chủ yếu là thống kê mô tả và so sánh. Hạn chế của nghiên cứu này là tính chưa đồng nhất của số liệu: đơn vị điều tra các tỉnh trong đề án là tổ KNCD, trong khi 21 tỉnh còn lại là chung theo tỉnh mà không đi theo tổ được do hạn chế thời gian và nguồn lực. Do đó, kết quả nghiên cứu tập trung vào phân tích hoạt động của các tổ KNCD trong đề án.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Một số phương pháp cơ bản trong tiếp cận khuyến nông

Khuyến nông nhà nước được coi là hệ thống áp dụng sớm và rộng rãi nhất thế giới (Raidimi & Kabiti, 2013). Phương pháp chuyển giao công nghệ chủ yếu theo định hướng cung (supply - driven) và từ trên xuống (Swanson & Rajalahti, 2010). Tuy vậy, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng hệ thống khuyến nông nhà nước hoạt động không hiệu quả và không thúc đẩy sản xuất hàng hóa của hộ nông dân nhỏ (FAO, 2017).

Phương pháp tiếp cận đào tạo và thăm quan (T&V) mở rộng được Ngân hàng Thế giới giới thiệu, thúc đẩy ở châu Phi và châu Á (Meena & Singh, 2013). Cách tiếp cận này được thiết kế với giả định rằng nông dân thiếu kiến thức kỹ thuật, do đó giải pháp là cung cấp cho họ kiến thức kỹ thuật. Nhược điểm là yêu cầu chi phí tài chính tương đối cao và sự thụ động của nông dân do tiếp cận vẫn mang tính chất từ trên xuống.

Khuyến nông theo tiếp cận hàng hóa: Theo Baxter & cs. (1989), cách tiếp cận này có từ thời thuộc địa và được sử dụng ở nhiều nước châu Phi và châu Á, nhằm thúc đẩy sản xuất hàng hóa có giá trị cao như cây trồng xuất khẩu thông qua hợp đồng (Meena & Singh, 2013). Tiếp cận này được lồng ghép trong KNCD khi khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào hỗ trợ kỹ thuật và thu mua sản phẩm cho nông dân.

Khuyến nông có sự tham gia (PAEM): Phương pháp tiếp cận khuyến nông có sự tham gia sử dụng nông dân để tư vấn khuyến nông với hỗ trợ của nhân viên khuyến nông, được sử

dụng ở châu Phi và một số khu vực của châu Á bao gồm Trường học thực địa cho nông dân (FFS), phương pháp tiếp cận dự án và phương pháp tiếp cận nghiên cứu - khuyến nông hệ thống (Mapiye & cs., 2021). PAEM phát huy sự tham gia của người dân và mối liên hệ giữa nông dân và cán bộ khuyến nông trong quá trình học hỏi. Đây cũng chính là một trong những đặc điểm của KNCĐ. Yêu cầu một hệ thống khuyến nông hiệu quả hơn về mặt chi phí, lấy nông dân quy mô nhỏ làm trung tâm và theo hướng đa dạng thành phần (gồm nhiều bên tham gia sử dụng kiến thức, kỹ năng và nhiều công cụ khác nhau) (Mapiye & cs., 2021). KNCĐ cũng sử dụng tiếp cận đa thành phần này.

Khuyến nông theo hướng chia sẻ chi phí: được coi là một trong những cải cách bền vững nhất trong việc cung cấp dịch vụ khuyến nông (GFRAS, 2016). Hướng khuyến nông dịch vụ này cũng khá phù hợp trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam và cũng là định hướng của KNCĐ.

Tại Việt Nam, hệ thống khuyến nông nhà nước vẫn là phương thức bao trùm, nhưng bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và thế giới đòi hỏi khuyến nông hiệu quả, đa thành phần hơn. Thuật ngữ “khuyến nông cộng đồng” xuất hiện lần đầu tại Quyết định 150/QĐ-TTg. Theo Bộ NN&PTNT (2022), Tổ KNCĐ là tổ chức khuyến nông tự nguyện, gồm cán bộ khuyến nông cơ sở, cán bộ chuyên môn (thú y, bảo vệ thực vật, kiểm lâm...), đại diện các tổ chức chính trị, xã hội, kinh tế (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, HTX, doanh nghiệp...) và nông dân sản xuất giỏi. KNCĐ là mô hình khuyến nông kiểu mới với các đặc điểm: đa thành phần, cùng địa bàn, mục tiêu và nguyên tắc “3 cùng” (cùng bàn - cùng làm -

cùng quản lý). Nhiệm vụ chính của tổ gồm: Hỗ trợ, tư vấn hộ nông dân, tư vấn phát triển HTX, tiếp cận thị trường và liên kết chuỗi giá trị; Tư vấn, hướng dẫn chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của chính quyền địa phương.

### 3.2. Hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng tại Việt Nam

#### 3.2.1. Tổ chức của các tổ khuyến nông cộng đồng

Năm 2022, Bộ NN&PNTN đã phê duyệt đề án thí điểm “Nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ KNCĐ”, với mục tiêu tổng quát là hình thành các tổ KNCĐ thuộc hệ thống khuyến nông và triển khai nhân rộng trên địa bàn các tỉnh có điều kiện phù hợp. Đề án đã được thực hiện tại 13 tỉnh gắn với 5 vùng nguyên liệu (Hòa Bình, Sơn La, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Kon Tum, Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang, Long An) (Trung tâm Khuyến nông quốc gia, 2024). Kết quả đã xây dựng được 26 tổ KNCĐ thí điểm với 156 thành viên và 1.071 tổ KNCĐ mở rộng với 9.622 thành viên tại 13 tỉnh tham gia đề án. Trên cơ sở những kết quả, kinh nghiệm của 26 tổ KNCĐ thí điểm, các tỉnh đã nhân rộng mô hình tổ KNCĐ ra các địa phương khác. Đối với những Tổ KNCĐ mở rộng, các tỉnh giao cho UBND xã ra quyết định thành lập. Ngoài 13 tỉnh tham gia đề án thí điểm, hiện tại trên cả nước đã có thêm 44 tỉnh đã thành lập các tổ KNCĐ với tổng số 4.070 tổ KNCĐ, 37.394 thành viên (Bảng 1).

**Bảng 1. Số lượng, quy mô các tổ khuyến nông cộng đồng tại các địa phương (năm 2024)**

Tỉnh	Số tổ KNCĐ	Số thành viên	Số thành viên bình quân/tổ	% tổ có 5-6 người*	% tổ có 7-9 người*	% tổ có > 10 người*
13 tỉnh thuộc đề án						
Trong đề án	26	156	6,0	76,92	19,23	3,85
Mở rộng	1.071	9.622	9,0	-	-	-
Các tỉnh ngoài đề án	4.047	37.394	9,2	23,8	33,3	42,9

Ghi chú: \*: Số liệu tổng hợp từ các tổ KNCĐ điều tra.

Nguồn: Trung tâm Khuyến nông quốc gia (2024).

**Bảng 2. Thành phần tham gia trong tổ khuyến nông cộng đồng (năm 2024)**

Thành phần tổ	Trong đề án		Ngoài đề án	
	Số tổ	Cơ cấu (%)	Số tỉnh	Cơ cấu (%)
CBKN tỉnh	26	100,0	1	4,76
CBKN huyện	22	84,6	4	19,05
Lãnh đạo UBND xã	11	42,3	16	76,19
CBNN xã	21	80,8	21	100,00
CBKN cơ sở	14	53,8	18	85,71
Cán bộ đoàn thể	10	38,5	20	95,24
Đại diện HTX	17	65,4	20	95,24
Nông dân giỏi	5	19,2	19	90,48
Trưởng thôn	6	23,1	20	95,24
Doanh nghiệp	10	38,5	10	47,62
Thành phần khác	5	19,2	2	9,52

Bình quân, mỗi tổ trong nhóm đề án có 6 thành viên, trong khi các nhóm mở rộng có trung bình 9 thành viên và tại 44 tỉnh ngoài đề án, số thành viên trung bình là hơn 9 người. Theo số liệu điều tra, quy mô tổ trung bình tại các tỉnh trong đề án chủ yếu từ 5-6 người, còn ở các tỉnh ngoài đề án thường trên 7 người (Bảng 1). Các tổ KNCĐ được quản lý chuyên môn bởi Trung tâm khuyến nông tỉnh.

Về thành phần của các tổ KNCĐ, bao gồm các cấp từ tỉnh đến xã trong ngành nông nghiệp, và khối tư nhân. Đối với các tỉnh trong đề án, có sự tham gia phổ biến của cán bộ trung tâm khuyến nông cấp tỉnh, huyện, cán bộ nông nghiệp xã (trên 80% số tổ), với vai trò, nhiệm vụ triển khai các hoạt động của đề án thí điểm. Trong khi đó, chỉ có 1 tỉnh ngoài đề án có sự tham gia của cán bộ khuyến nông cấp tỉnh, chủ yếu cán bộ nông nghiệp xã, cán bộ đoàn thể, đại diện HTX, nông dân giỏi, và trưởng thôn (Bảng 2). Sự đa dạng trong thành phần, đặc biệt bao gồm khối tư nhân là doanh nghiệp được kỳ vọng là có sự đóng góp tích cực vào hoạt động khuyến nông định hướng thị trường.

### 3.2.2. Hoạt động của các tổ khuyến nông cộng đồng

Về quy chế hoạt động: trên cơ sở hướng dẫn của Trung tâm Khuyến nông quốc gia tại Công văn số 502/KN-TCHC ngày 29/7/2022 về hướng dẫn thành lập và ban hành quy chế hoạt động

của Tổ KNCĐ; Sở NN&PTNT các tỉnh đã ban hành quy chế hoạt động của tổ KNCĐ. Theo đó, các tổ KNCĐ có 4 nhiệm vụ chủ yếu (Bảng 3). Nhiệm vụ được đảm nhận nhiều nhất là hỗ trợ, tư vấn cho hộ nông dân, HTX về khuyến nông, cụ thể là đào tạo, tập huấn (100% các tổ KNCĐ trong đề án và các tỉnh báo cáo). Trong năm 2023 các tổ KNCĐ trong đề án thực hiện trung bình 17,5 lớp tập huấn/năm, với số lượt nông dân tham gia bình quân/lớp là 35,6 (Bảng 3). Theo số liệu điều tra, hai tổ KNCĐ tại Kiên Giang tổ chức được nhiều lớp nhất (51 lớp), tập trung kỹ thuật sản xuất lúa, cơ giới hóa trên đồng ruộng, quản lý dịch hại tổng hợp, thực hiện quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn SRP (Sustainable Rice Production) để liên kết với doanh nghiệp xuất khẩu. Theo số liệu điều tra, tại khu vực Tây Nguyên, các tổ KNCĐ tập trung nhiều hơn vào sản phẩm cà phê hợp tác với các doanh nghiệp. Trong khi đó, tại Sơn La hoạt động tập huấn tập trung chủ yếu cây ăn quả. Hoạt động tập huấn cũng gắn với hỗ trợ mở rộng các vùng nguyên liệu để liên kết với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các tổ KNCĐ tư vấn, nông dân thực hiện các mô hình ứng dụng công nghệ cao như đồng bộ cơ giới hóa, san phẳng mặt ruộng bằng laze ở Kiên Giang.

Nhiệm vụ thứ hai là hỗ trợ, tư vấn phát triển HTX nông nghiệp, với 42,3% số tổ trong đề án và 76,2% số tỉnh báo cáo thực hiện nhiệm vụ này (Bảng 3). Trung bình mỗi tổ KNCĐ tư vấn được

gần 2 HTX, trong đó làm tốt nhất là tổ KNCD tại Sơn La (thực hiện tư vấn được nhiều nhất cho 4 HTX: Nam Sơn, Phú Lương, Mai Sơn, Long Hiếu), Hòa Bình (HTX Tân Mỹ, Đa Phúc, Yên Tân, Ngọc Lương, HTX thịt chua Trần Đình Lâm, Vũ Lâm), Kiên Giang (3 HTX lúa), Kon Tum (3 HTX cà phê). Một số tổ KNCD chưa tư vấn phát triển cho HTX nào do các nguyên nhân về năng lực cũng như nhu cầu của các HTX địa phương.

Nhiệm vụ thứ ba là hỗ trợ, tư vấn hộ nông dân, HTX tham gia thị trường và liên kết chuỗi giá trị. Theo đó, có trên 50% số tổ KNCD trong đề án báo cáo thực hiện nhiệm vụ này và con số này ở các tỉnh ngoài đề án là 71,4% số tỉnh có tham gia nhiệm vụ này (Bảng 3). Theo báo cáo tổng kết hoạt động KNCD các tỉnh năm 2024, tại Sơn La, các tổ KNCD hỗ trợ nông dân và HTX liên kết với Công ty DOVECO Sơn La; Công ty Bảo Lâm (sản phẩm dứa), Nafoods, thương lái (Chợ Long Biên và Trung Quốc) cho sản phẩm chanh leo; Tổ KNCD tại Quảng Trị hỗ trợ liên kết cho sản phẩm gỗ xẻ với Tổng công ty TM. Tổ KNCD ở Đắk Nông hỗ trợ nông dân, HTX liên kết với công ty TNHH một thành viên cà phê Bazan, Công ty Cafecontrol, cho sản phẩm cà phê. Tổ KNCD tại An Giang hỗ trợ liên kết cho sản phẩm lúa với Tập đoàn Lộc Trời. Tổ KNCD tại Long An hỗ trợ liên kết với Công ty TNHH MTV The fruit republic Cần Thơ; HTX Vĩnh Khang, Công ty TNHH XNK Trái cây Hoa Cương.

Nhiệm vụ thứ tư là tư vấn, hướng dẫn chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp. Trong đó, có khoảng 42,31% số tổ KNCD trong đề án báo cáo thực hiện, và 42,8% số tỉnh báo cáo có hoạt động này trong các tổ KNCD (Bảng 3). Theo số liệu điều tra, nội dung chủ yếu tập trung vào hỗ trợ xây dựng mã số vùng trồng (Tiền Giang), tư vấn quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc (Kon Tum), đăng ký mã cơ sở đóng gói, đăng bán sản phẩm trên sàn thương mại điện tử (Hòa Bình).

Ngoài ra, các tổ KNCD trong đề án cũng làm dịch vụ cho nông dân như dịch vụ giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, làm đất (11,5% số tổ), thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm (19,33%). Các nhiệm vụ khác như tham gia xây dựng nông thôn mới, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương được trên 50% số tổ KNCD báo cáo (Bảng 3). Các hoạt động khác tùy thuộc địa

phương, ví dụ như phối hợp với UBND xã triển khai các dự án phát triển sản xuất nông nghiệp, giảm nghèo... Tuy nhiên, do hầu hết các tổ mới được thành lập từ năm 2022-2023, chưa có kinh phí hoạt động, không có tư cách pháp nhân nên hoạt động dịch vụ cung ứng vật tư chưa thực hiện được nhiều. Như vậy, các tổ KNCD đã thực hiện các hoạt động theo như hướng dẫn của Bộ NNN&PTNT, về cơ bản chú trọng công tác tập huấn, kết nối nông dân với doanh nghiệp. Nhiệm vụ tư vấn và hướng dẫn chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp còn chưa được thực hiện phổ biến, chủ yếu do các vấn đề về năng lực, cơ sở hạ tầng và năng lực của người sử dụng.

### **3.2.3. Đánh giá kết quả hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng**

Do tổ KNCD mới đi vào hoạt động từ giữa năm 2022, chưa có số liệu đầy đủ đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động của các tổ KNCD. Tuy nhiên, theo khảo sát ý kiến của các tổ trưởng tổ KNCD và trung tâm khuyến nông các tỉnh, các tổ KNCD bước đầu đã có các đóng góp tích cực.

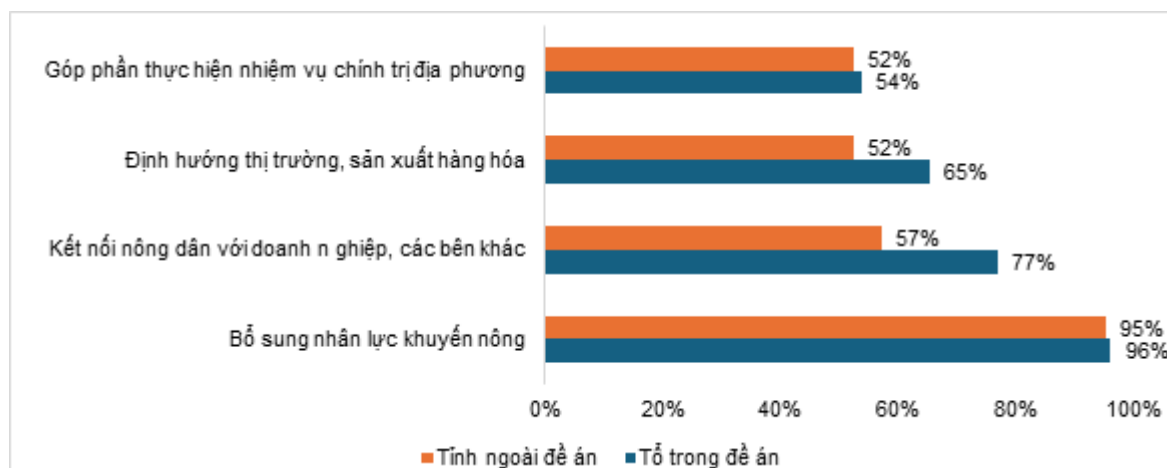
Thứ nhất, tổ KNCD ra đời đáp ứng yêu cầu thực tế sản xuất, đóng vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp, HTX và nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (77% ý kiến của tổ KNCD trong đề án, và gần 50% ý kiến các tỉnh ngoài đề án - Hình 1). Tổ KNCD giải quyết các vướng mắc như khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm của HTX và nguồn nguyên liệu của doanh nghiệp, tạo nên chuỗi liên kết bền vững và giải quyết vấn đề “đầu ra” cho nông dân và HTX. Việc tham gia của khối tư nhân vào trong công tác khuyến nông có thể góp phần giải quyết vấn đề ranh giới giữa khu vực nhà nước và tư nhân trước nhu cầu thay đổi của nông dân và các tổ chức của họ (Friederichsen & cs., 2013).

Thứ hai, hơn 90% số ý kiến cho rằng tổ KNCD giúp khắc phục sự đứt gãy của hệ thống khuyến nông sau khi sáp nhập các trạm cấp huyện và giải thể hệ thống khuyến nông cơ sở (Hình 1). Không giống khuyến nông truyền thống chủ yếu tập trung chuyển giao kỹ thuật đơn thuần, tổ KNCD hoạt động theo hướng tổng hợp, cung cấp tư vấn và dịch vụ đa dạng, phù hợp với nhu cầu của nông dân, HTX và doanh nghiệp, cũng như phát triển nông nghiệp hàng hóa theo cơ chế thị trường.

**Bảng 3. Các hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng**

Nhiệm vụ	Số tổ trong đề án	(% tổ)	Số tỉnh ngoài đề án	(% tỉnh)
Hỗ trợ, tư vấn cho hộ nông dân, hợp tác xã về khuyến nông: Đào tạo, tập huấn	26	100	21	100
Số lớp tập huấn bình quân/tổ (lớp)	17,5	-	NA	NA
Số nông dân tập huấn bình quân/lớp (người)	35,6	-	NA	NA
Hỗ trợ, tư vấn phát triển hợp tác xã nông nghiệp: Tư vấn hỗ trợ phát triển HTX	11	42,3	16	76,2
Hỗ trợ, tư vấn hộ nông dân, HTX tham gia thị trường và liên kết chuỗi giá trị: tư vấn, hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu và liên kết tiêu thụ sản phẩm	14	53,85	15	71,4
Tư vấn, hướng dẫn chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp: tư vấn chuyển đổi số	11	42,31	9	42,8
Hoạt động dịch vụ khác				
Dịch vụ đầu vào				
Giống	3	11,54	NA	NA
Phân bón	3	11,54	NA	NA
Thuốc bảo vệ thực vật	3	11,54	NA	NA
Thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm	5	19,23	NA	NA
Xây dựng nông thôn mới	14	53,84	NA	NA
Tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương	15	57,69	NA	NA

Ghi chú: NA: Không có thông tin do số liệu này tổng hợp theo tỉnh; Số liệu được tổng hợp từ các báo cáo của Trung tâm Khuyến nông các tỉnh (2024).



**Hình 1. Đánh giá của cán bộ phụ trách về vai trò của các tổ khuyến nông cộng đồng (năm 2024)**

Thứ ba, tổ KNCD là tổ chức gần dân nhất, hỗ trợ nông dân thông qua tư vấn kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, đặc biệt trong việc áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất tiên tiến như VietGAP, hữu cơ, nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường. Tổ KNCD còn thực hiện các nhiệm vụ chính trị địa phương như tuyên truyền chính sách của Đảng và Nhà nước, tham gia xây dựng nông thôn mới, với hơn 50% số ý kiến đánh giá (Hình 1).

IFPRI (2018) cung cấp một số ví dụ ở Đắk Nông cho thấy về xã hội hóa khuyến nông ngoài việc sản xuất sản phẩm chất lượng, bảo vệ môi trường, còn giúp nông dân gắn kết với doanh nghiệp.

Thứ tư, tính đa dạng của các thành phần trong tổ KNCD cũng giúp gắn kết các ban ngành, đoàn thể, doanh nghiệp, HTX ở địa phương (Hình 1). Đây cũng là môi trường thuận lợi để thúc đẩy xã hội hóa khuyến nông, tạo điều kiện để khối tư nhân tham gia hoạt động, trao đổi thông tin, kết

nối cung - cầu, từ đó giúp cho sản xuất ổn định, khắc phục tình trạng “được mùa - mất giá” của ngành nông nghiệp những năm qua. Nghiên cứu của Ngoan & Howeler (2010) cũng cho thấy khuyến nông có sự tham gia góp phần tăng cường năng lực của nông dân và sự hình thành, gắn kết của các tổ chức của nông dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp trên, một số tổ KNCD hoạt động chưa hiệu quả, chưa phát huy hết vai trò, hoạt động cầm chừng, e dè, chưa đóng góp nhiều cho sự phát triển của sản xuất nông nghiệp địa phương (Sở NN&PTNT tỉnh Thừa Thiên - Huế, 2024; Sở NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh, 2024).

### **3.3. Một số yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng**

#### **3.3.1. Chế độ đãi ngộ**

Các tổ trong và ngoài đề án đều gặp phải những khó khăn khá tương đồng. Trong đó khó khăn phổ biến nhất là chưa có chế độ đãi ngộ cho các thành viên trong tổ KNCD (100% các tổ KNCD - Bảng 4). Các cán bộ đều kiêm nhiệm, thực hiện nhiều công việc của ngành nông nghiệp và khuyến nông, nhưng chưa có chế độ lương, phụ cấp, công tác phí.

#### **3.3.2. Cơ chế chính sách và kinh phí**

Do tổ KNCD được thành lập trên nguyên tắc không tăng biên chế của khuyến nông tỉnh, hạn chế phát sinh kinh phí, cho đến nay hầu hết các tỉnh chưa có cơ chế chính sách hỗ trợ hoạt động cho tổ (Bảng 4). Một số tỉnh bước đầu có hỗ trợ như Sơn La (gần 300 triệu đồng cho đề án nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông) và có mục chi khuyến nông theo quy định; bố trí ngân sách địa phương các cấp và huy động từ nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ hoạt động cho các tổ KNCD (Sở NN&PTNT tỉnh Sơn La, 2024). Một số huyện phân bổ kinh phí để hỗ trợ cho hoạt động của tổ KNCD như: hợp định kỳ, tập huấn nâng cao năng lực cho tổ KNCD. Nhìn chung, hiện nay đa số các tổ KNCD chưa có kinh phí, do đó hoạt động rời rạc, chưa hiệu quả.

Bên cạnh đó, tổ KNCD là tổ chức tự nguyện, không có tư cách pháp nhân nên gặp khó khăn trong việc ký kết hợp đồng tư vấn, dịch vụ với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và

HTX. Do đó, các tổ KNCD chưa có nguồn thu ổn định để duy trì hoạt động.

#### **3.3.3. Tổ chức và năng lực của các tổ khuyến nông cộng đồng**

Sự đa dạng về thành phần có ưu điểm là tranh thủ được nguồn cán bộ của ngành nông nghiệp tại địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có nhược điểm là các thành viên chủ yếu tham gia theo hình thức kiêm nhiệm, hạn chế về thời gian và thiếu sự gắn kết trong hoạt động. Điều đó dẫn tới tổ chức lỏng lẻo, rời rạc, chưa chặt chẽ.

Tại một số địa phương, phần lớn tổ KNCD làm việc ở các tổ chức chuyên môn, chính trị, xã hội, đoàn thể nên hoạt động chưa rõ nét, chưa vận động và thu hút được nhiều thành viên là doanh nghiệp, nông dân sản xuất giỏi (Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Trị, 2024). Thiếu khuyến nông viên cấp xã có kinh nghiệm và tâm huyết với nghề nên việc triển khai xây dựng quy chế hoạt động của tổ KNCD trên địa bàn tỉnh đôi khi chưa sát với thực tế. Nhìn chung, năng lực là một hạn chế cơ bản của khuyến nông, đặc biệt là khuyến nông có sự tham gia (Minh & cs., 2010).

Thời gian vừa qua, mặc dù các cấp, các ngành đã quan tâm tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho các tổ KNCD; tuy nhiên do mới được thành lập nên thành viên của tổ vẫn còn thiếu kiến thức, kỹ năng trong hoạt động khuyến nông và hoạt động tư vấn dịch vụ khác. Theo báo cáo tổng kết của Sở NN&PTNT các tỉnh trong và ngoài đề án năm 2024 và số liệu khảo sát, các kiến thức và kỹ năng yếu nhất là về kinh tế tập thể, phát triển HTX, quản trị HTX, thị trường, liên kết chuỗi giá trị, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, và đặc biệt kiến thức về chuyển đổi số. Do đó, nhiều tổ KNCD chưa thực hiện được hoạt động liên quan đến các vấn đề này như: dịch vụ, tư vấn phát triển HTX, tư vấn liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chuyển đổi số (Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Trị, 2024).

#### **3.3.4. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Có khoảng 30% tổ KNCD trong đề án và hầu như toàn bộ các tổ tại các tỉnh ngoài đề án chưa có văn phòng làm việc riêng (Bảng 5), thiếu trang thiết bị cơ bản như máy tính, máy in, máy chiếu, trang thiết bị văn phòng.

**Bảng 4. Các khó khăn đối với hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng (năm 2024)**

Khó khăn	Tổ trong đề án		Tỉnh ngoài đề án	
	Số tổ	Tỷ lệ	Số tỉnh	Tỷ lệ
Chưa có cơ chế chính sách	11	42,31	21	100,00
Chưa có chế độ đãi ngộ	26	100,00	21	100,00
Thiếu nguồn kinh phí hoạt động	22	84,62	21	100,00
Không có tư cách pháp nhân	18	69,23	20	95,24
Năng lực (yếu kiến thức, kỹ năng)	12	46,15	16	76,19
Hoạt động kiêm nhiệm	20	76,92	20	95,24
Thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị	20	76,92	20	95,24

**Bảng 5. Điều kiện cơ sở vật chất thiết bị của các tổ khuyến nông cộng đồng (năm 2024)**

Cờ vật chất chủ yếu	Tổ trong đề án		Tổ ngoài đề án	
	Số tổ	Tỷ lệ	Số tỉnh	Tỷ lệ
Văn phòng/trụ sở	18	69,2	1	4,76
Máy tính	26	100	4	19,21
Điện thoại	10	38,5	0	0

Theo báo cáo của Sở NN&PTNT các tỉnh, các tổ có văn phòng hầu hết đặt tại các HTX nông nghiệp, trụ sở Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện (ví dụ như ở tỉnh Hòa Bình), UBND xã (Ví dụ như ở tỉnh Gia Lai). Các tổ KNCĐ trong đề án đều được hỗ trợ máy tính và một số được hỗ trợ điện thoại. Nhiều UBND xã tạo điều kiện cho các tổ KNCĐ được sử dụng hội trường, phòng họp và các trang thiết bị của xã phục vụ hoạt động (Báo cáo của các Sở NN&PTNT về hoạt động của tổ KNCĐ).

### 3.3.5. Một số vấn đề khác

Theo báo cáo của Sở NN&PTNT các tỉnh trong đề án và 21 tỉnh ngoài đề án, hoạt động của tổ KNCĐ nhận được sự quan tâm tích cực từ một số địa phương như Sơn La, Thừa Thiên - Huế, nhưng nhiều nơi vẫn chưa chú trọng vai trò của tổ KNCĐ trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Các tổ còn gặp khó khăn trong định hướng, xây dựng kế hoạch và quy chế hoạt động, với sự tham gia chưa đồng đều của các thành viên, chủ yếu dựa vào cán bộ khuyến nông cơ sở. Hợp tác với doanh nghiệp còn hạn chế, chỉ có một số ít doanh nghiệp lớn như Doveco, Vĩnh Hiệp và Bình Điền ký kết hợp tác. Ở các vùng miền núi, nhu cầu thuê dịch vụ nông nghiệp thấp, khiến tổ KNCĐ khó tạo nguồn thu (Sở NN&PTNT tỉnh

Kon Tum, 2024). Ngoài ra, vấn đề già hóa lao động, chậm tiếp thu kỹ thuật, rủi ro sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm là những thách thức lớn đối với tổ KNCĐ (Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Bình, 2024). Thành lập các tổ KNCĐ chưa thực sự phát triển theo nhu cầu của địa phương, còn chông chéo nhiệm vụ của các HTX, nhiều tổ KNCĐ chưa đi vào hoạt động thực sự có hiệu quả (Sở NN&PTNT tỉnh Phú Yên, 2024).

### 3.4. Một số giải pháp, khuyến nghị phát huy vai trò của tổ khuyến nông cộng đồng

*Thứ nhất*, Sở NN&PTNT, Trung tâm Khuyến nông các tỉnh cần có hướng dẫn các tổ KNCĐ xây dựng quy chế và kế hoạch hoạt động, trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ; nguyên tắc hoạt động; tiêu chí lựa chọn các thành viên; quyền lợi các thành viên và cơ chế phối hợp của tổ KNCĐ với cơ quan chuyên môn, UBND xã, các tổ chức đoàn thể và các tổ chức/cá nhân có liên quan.

*Thứ hai*, Trung tâm Khuyến nông các tỉnh tiếp tục tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông và các tổ KNCĐ. Tập trung vào một số nội dung: bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp khuyến nông cộng đồng; kiến thức về kinh tế tập thể, lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh HTX, liên kết theo chuỗi giá trị, chuyển đổi số, ứng dụng



công nghệ thông tin trong sản xuất và thông tin thị trường, kỹ năng tư vấn và dịch vụ khuyến nông.

*Thứ ba*, UBND các cấp quan tâm tạo điều kiện về trụ sở làm việc, trang thiết bị, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ KNCD. Trong bối cảnh nguồn kinh phí ngân sách có hạn, các địa phương có thể huy động, kêu gọi các nguồn kinh phí tài trợ, viện trợ theo mô hình hợp tác công tư để hỗ trợ cho các tổ KNCD.

*Thứ tư*, các cơ quan, ban ngành cần tăng cường giới thiệu các doanh nghiệp, HTX và các tổ chức/cá nhân khác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp với các tổ KNCD để phối hợp hoạt động. Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các tổ KNCD và chính quyền địa phương và các bên liên quan nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả.

*Thứ năm*, Trung tâm khuyến nông các tỉnh cần tăng cường tổ chức các hội thi, hội thảo, hội nghị đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ KNCD để chọn ra tổ KNCD điển hình tiêu biểu, làm hoạt động mẫu cho các Tổ KNCD khác học hỏi, nhân rộng.

*Thứ sáu*, chính quyền địa phương các cấp cần quan tâm xây dựng lực lượng cán bộ KNCD nòng cốt, lâu dài, lựa chọn những thanh niên trẻ ở địa phương có tâm huyết với nông nghiệp, nông dân, nông thôn để đào tạo, bồi dưỡng trở thành cán bộ KNCD.

*Thứ bảy*, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tiếp tục triển khai các hoạt động đề án KNCD, trọng tâm là hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các tổ KNCD và hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về KNCD.

*Thứ tám*, kiến nghị Chính phủ sớm ban hành cơ chế chính sách phát triển KNCD trở thành lực lượng chủ lực của ngành nông nghiệp ở cơ sở, đồng hành với nông dân trong tiến trình phát triển theo hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. Nghiên cứu gắn hoạt động của tổ KNCD với thực thể khác để có thể có tư cách pháp nhân trong tiến hành các hoạt động dịch vụ.

#### 4. KẾT LUẬN

Khuyến nông đóng vai trò quan trọng trong ngành nông nghiệp, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Trước bối cảnh thay đổi hiện nay về kinh tế - xã hội - môi trường, khuyến nông cần linh hoạt để đáp ứng nhu cầu sản xuất và xây

dựng nền nông nghiệp cạnh tranh, hiệu quả. Tổ KNCD ở Việt Nam mới được thành lập thí điểm với thành phần đa dạng đã bước đầu chứng tỏ ưu thế so với khuyến nông truyền thống nhờ cách tiếp cận dịch vụ đa chiều, gắn kết nông dân, HTX với doanh nghiệp và thị trường. Các tổ KNCD trong đề án và ngoài đề án đã thực hiện các nhiệm vụ như được hướng dẫn bởi Bộ NN&PTNT, bao gồm hỗ trợ, tư vấn cho hộ nông dân, HTX về khuyến nông; hỗ trợ, tư vấn phát triển HTX nông nghiệp; hỗ trợ, tư vấn hộ nông dân, HTX tham gia thị trường và liên kết chuỗi giá trị; tư vấn, hướng dẫn chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp và một số hoạt động khác.

Hoạt động của tổ KNCD được đánh giá đã bước đầu đáp ứng yêu cầu thực tiễn và làm cầu nối giữa nông dân, doanh nghiệp, các bên liên quan; giúp khắc phục sự đứt gãy của hệ thống khuyến nông; hỗ trợ nông dân trong tư vấn và chuyển giao công nghệ và thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương; kết nối các ban ngành, đoàn thể và các bên liên quan tại địa phương trong phát triển sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, một số tổ còn hoạt động yếu, gặp khó khăn về chế độ, chính sách, tư cách pháp nhân, cơ sở vật chất và năng lực cán bộ. Một số yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động của tổ KNCD bao gồm chế độ đãi ngộ, cơ chế chính sách và kinh phí hoạt động, tổ chức và năng lực của các tổ KNCD, cơ sở vật chất và trang thiết bị.

Để tăng cường vai trò của các tổ KNCD, cần có các giải pháp hướng dẫn cụ thể quy chế hoạt động, tăng cường tập huấn nâng cao năng lực; kết nối doanh nghiệp, HTX với tổ KNCD để gắn tư cách pháp nhân; tăng cường sự phối hợp giữa tổ KNCD với các bên liên quan; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và cải thiện điều kiện làm việc của các tổ KNCD; truyền thông, nhân rộng các mô hình thành công; và phát triển nguồn nhân lực cho các tổ KNCD.

Ngoài hạn chế về tính đồng nhất của số liệu, nghiên cứu này còn chưa đi sâu vào đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động cụ thể của các tổ KNCD theo bốn hoạt động chính theo vùng nguyên liệu, cũng như các khó khăn và thách thức tại các địa phương. Các nghiên cứu sau này cần đánh giá cụ thể hơn thực tiễn triển khai các hoạt động của tổ KNCD, kết quả, hiệu quả hoạt động cũng như đề xuất các mô hình, giải pháp cụ thể để có thể nhân rộng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Baxter M., Slade R. & Howell J. (1989). *Aid and Agricultural Extension: Evidence from the World Bank and Other Donors*. The World Bank: Washington, DC, USA.
- Bộ NN&PTNT (2018). *Tờ trình về việc ban hành Nghị định của Chính phủ về Khuyến nông*. Hà Nội.
- Bộ NN&PTNT (2022). *Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022. Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/ xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025*.
- Chính phủ (2010). *Nghị định 02/2010/NĐ-CP về khuyến nông ngày 08/1/2010*.
- DAES (2022). *Agricultural Extension Approaches Being Implemented in Ghana*. Retrieved from <https://www.g-fras.org/en/component/download/category/93-reviews-and-assessments.html?download=800:agricultural-extension-approaches-being-implemented-in-ghana> on Sep 29, 2024.
- Davis K., Snider A., Archibald T., Grove B. & Babu S. (2021). *Organizational innovation in times of crises: The case of extension and advisory services*. *Journal of International Agricultural and Extension Education*, 28(1): 6-14.
- FAO (2017). *Information and Communication Technology (ICT) in Agriculture: A Report to the G20 Agricultural Deputies; Food and Agriculture Organisation: Rome, Italy*.
- Friederichsen Rupert, Minh Thai, Neef Andreas & Hoffmann Volker (2013). *Adapting the innovation systems approach to agricultural development in Vietnam: Challenges to the public extension service*. *Agriculture and Human Values*, 30. doi: 10.1007/s10460-013-9433-y.
- Gary A. & Willem Z.D.B. (2002). *Rural Extension and Advisory Services: New Directions*. World Bank: Washington, DC, USA.
- GFRAS (2016). *Module 3: Agricultural Extension Programme Management*. GFRAS: Lindau, Germany.
- IFPRI (2018). *Agriculture Extension in Viet Nam: An Assessment and Reform Options*. IFPRI discussion. p. 1707.
- Mapiye O., Makombe G., Molotsi A., Dzama K. & Mapiye C. (2021) *Towards a Revolutionized Agricultural Extension System for the Sustainability of Smallholder Livestock Production in Developing Countries: The Potential Role of ICTs*. *Sustainability*, 13: 5868. doi.org/10.3390/su13115868
- Meena M.S. & Singh K.M. (2013). *Pluralistic Agricultural Extension System in India: Innovations and Constraints*; Munich Personal RePEc Archive: Munich, Germany.
- Minh T.T., Friederichsen R., Neef A. & Hoffmann V. (2014). *Niche action and system harmonization for institutional change: Prospects for demand-driven agricultural extension in Vietnam*. *Journal of Rural Studies*, 36: 273-284.
- Minh T.T., Larsen C.E.S. & Neef A. (2010). *Challenges to Institutionalizing Participatory Extension: The Case of Farmer Livestock Schools in Vietnam*. *The Journal of Agricultural Education and Extension*, 16(2): 179-194.
- Ngoan Tran & Howeler Reinhardt (2010). *The adoption of new technologies and the socioeconomic impact of the nippon foundation cassava project in Vietnam*. Retrieved from [https://www.researchgate.net/figure/Steps-in-the-farmer-participatory-research-and-extension-activities\\_fig1\\_242153175](https://www.researchgate.net/figure/Steps-in-the-farmer-participatory-research-and-extension-activities_fig1_242153175) on Sep 29, 2024.
- Sở NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh (2024). *Báo cáo tình hình hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng*.
- Sở NN&PTNT tỉnh Sơn La (2024). *Báo cáo sơ kết 2 năm triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình Tổ khuyến nông cộng đồng” trên địa bàn tỉnh Sơn La*
- Sở NN &PTNT tỉnh Kon Tum (2024). *Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Đề án Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ khuyến nông cộng đồng vùng nguyên liệu*.
- Sở NN&PTNT tỉnh Phú Yên (2024). *Báo cáo tình hình hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng*.
- Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Trị (2024). *Báo cáo kết quả 02 năm thực hiện thí điểm đề án tổ khuyến nông cộng đồng*.
- Sở NN &PTNT tỉnh Thừa Thiên - Huế (2024). *Báo cáo đánh giá kết quả 02 năm triển khai đề án thí điểm tổ khuyến nông cộng đồng*.
- Swanson B.E. & Rajalahti R. (2010). *Strengthening Agricultural Extension and Advisory Systems: Procedures for Assessing, Transforming, and Evaluating Extension Systems*; World Bank: Washington, DC, USA.
- Thiep Do Huy & Nguyen Thi Cam Nhung (2018). *Impacts of accessing extension on agricultural production profit: Empirical evidence from the Viet Nam Access to Rural Households Survey*. WIDER Working Paper, No. 2018/104.
- Thu Hằng (2022). *Dấu ấn sáng tạo, đổi mới, đột phá của hệ thống khuyến nông Việt nam. Bản tin Khuyến nông số 12 năm 2022*
- Thủ tướng Chính Phủ (2022). *Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
- Trọng Tùng (2024). *Ngành nông nghiệp tăng trưởng cao nhất trong 1 thập kỷ*. Truy cập từ <https://kinhtedothi.vn/nganh-nong-nghiep-tang-truong-cao-nhat-trong-1-thap-ky.html> ngày 29/9/2024.
- Trung tâm khuyến nông quốc gia (2024). *Báo cáo kết quả thực hiện đề án “Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ khuyến nông cộng đồng”*. Hà Nội.